

Số: /BC-SCT

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ 3 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ các tháng tiếp theo năm 2022

I. Đặc điểm tình hình

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong Quý I/2022 chịu ảnh hưởng trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh cùng với sự đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng và nỗ lực phấn đấu của các cấp, ngành, sự đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ kép “vừa đẩy mạnh công tác phòng, chống, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19, vừa tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh” nên việc triển khai các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND và Kế hoạch của UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 đạt được một số kết quả nhất định, cho thấy kinh tế tỉnh Thái Nguyên đang dần phục hồi, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế cả năm 2022.

Giá trị sản xuất công nghiệp quý I/2022 trên địa bàn (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 158.645 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ, bằng 17,2% KH năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 11.607 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ, bằng 23% KH năm; giá trị xuất khẩu ước đạt 6.924,4 Tr.USD, giảm 5,5% so với cùng kỳ, bằng 21,6% KH năm.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ 3 tháng đầu năm 2022

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Giá trị sản xuất công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn (giá so sánh 2010): 920.000 tỷ đồng, tăng 9% so với ước thực hiện năm 2021.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 50.360 tỷ đồng, tăng 12,5% so với ước thực hiện năm 2021.

Kim ngạch xuất khẩu: Giá trị xuất khẩu đạt 32.022 triệu USD, tăng 9% so với ước thực hiện năm 2021. Trong đó, xuất khẩu địa phương tăng 11%.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN)

Giá trị sản xuất công nghiệp quý I/2022 trên địa bàn (giá so sánh 2010) ước đạt 158.645 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ, bằng 17,2% KH năm. Trong đó, khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 146.260 tỷ đồng (chiếm 92,2% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh), tăng 5,9%; khu vực công nghiệp

trung ương ước đạt 5.525 tỷ đồng, tăng 8,5%; khu vực công nghiệp địa phương ước đạt 6.860 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ: Nhóm sản phẩm và thiết bị điện tử đạt 62,2 triệu sản phẩm, tăng 14,1%, bằng 17,4% KH năm; Vonfram và sản phẩm Vonfram đạt 7,2 nghìn tấn, tăng gấp 2 lần, bằng 39,7% KH năm; sản phẩm may đạt 22,6 Tr.SP, tăng 14,6%, bằng 26% KH năm; thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 405,3 triệu sản phẩm, tăng 14,3%; điện thương phẩm đạt 1.234 Tr.Kwh, tăng 3,9%, bằng 20,7% KH năm; than khai thác đạt 340,4 nghìn tấn, tăng 3,1%, bằng 23,2% KH năm...

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu giảm so với cùng kỳ: Sắt thép các loại ước đạt 278 nghìn tấn, giảm 19%, bằng 16% KH năm; đồng tinh quặng ước đạt 9,8 nghìn tấn, giảm 16,6%; nước máy thương phẩm đạt 6,7 triệu m³; giảm 7%, bằng 19,1% KH năm...

2.2. Kinh doanh thương mại, dịch vụ, chỉ số giá tiêu dùng

Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 11.607 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ, bằng 23% KH năm. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 556,5 tỷ đồng, tăng 5,7%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 11.029,3 tỷ đồng, tăng 5,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 21,7 tỷ đồng, giảm 1,6% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 3 tháng đầu năm tăng 2,04% so với cùng kỳ năm 2021.

2.3. Kim ngạch xuất, nhập khẩu

Xuất khẩu

Giá trị xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quý I/2022 đạt 6.924,4 Tr.USD, giảm 5,5% so với cùng kỳ và bằng 21,6% KH năm. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 159,5 triệu USD, tăng 55,6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 6.764,9 triệu USD (*chiếm 97,7% trong tổng giá trị xuất khẩu*), giảm 6,4% so với cùng kỳ.

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ: Kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 81,2 Tr.USD, gấp 2,3 lần cùng kỳ; sản phẩm từ sắt thép đạt 10 Tr.USD, tăng 51,7%; sản phẩm may đạt 106,4 Tr.USD, tăng 19%; sản phẩm điện tử khác và phụ tùng đạt 4.598 Tr.USD, tăng 3,7%; máy tính bảng đạt 639 Tr.USD, tăng 2,6%; giấy các loại đạt 0,9 Tr.USD, tăng 2%...

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu giảm so với cùng kỳ: Chè các loại đạt 0,6 Tr.USD, giảm 7,2%; phụ tùng vận tải đạt 1,5 Tr.USD, giảm 8,9%; điện thoại thông minh đạt 1.234 Tr.USD, giảm 34,2%...

Nhập khẩu

Giá trị nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quý I/2022 đạt 5.009 Tr.USD, tăng 23,2% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 100,3

Tr.USD, tăng 48,8% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 4.908 Tr.USD (*chiếm 98% giá trị nhập khẩu*), tăng 22,7% so với cùng kỳ.

Một số sản phẩm nhập khẩu chủ yếu I/2022: Nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 4.749 Tr.USD (*chiếm 94,8%*), tăng 22,6%; máy móc, thiết bị và dụng cụ phụ tùng đạt 37,6 Tr.USD (*chiếm 0,8%*), tăng 8,6%; vải các loại và nguyên, phụ liệu dệt may đạt 50,7 Tr.USD, tăng 3,8%; sản phẩm từ sắt thép đạt 11 Tr.USD, tăng 26,3%; chất dẻo (*plastic*) nguyên liệu đạt 19,3 triệu USD, giảm 16,2%; giấy các loại đạt 1,2 triệu USD, giảm 19,5%...

3. Công tác quản lý nhà nước

Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra thực hiện các Chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực Ngành quản lý năm 2022.

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành: Dự thảo Quyết định phê duyệt danh sách khách hàng quan trọng và danh sách khách hàng khi cần phân bổ mức công suất sử dụng điện trên địa bàn tỉnh; chỉ thị về tổ chức đón tết Nguyên đán năm 2022; Kế hoạch thực hiện các hoạt động phục vụ tết Nguyên đán; thành lập Ban chỉ đạo tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và Chương trình phát triển thương mại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025.

Xây dựng Chương trình công tác ngành Công Thương Thái Nguyên năm 2022; kế hoạch cải cách hành chính năm 2022; kế hoạch công tác năm 2022 của ngành công thương về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và khoán chi tiêu nội bộ - phân phối thu nhập của cơ quan Sở Công Thương năm 2022; triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Tân Dương; hướng dẫn thành lập, mời gọi nhà đầu tư cụm công nghiệp Yên Ninh; xây dựng dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; thẩm định các hồ sơ đề xuất dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, điểm dân cư nông thôn tại các huyện, thành phố, thị xã; triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp; đề nghị các thương nhân phân phối, bán lẻ xăng dầu đảm bảo nguồn cung xăng dầu trên địa bàn tỉnh phục vụ nhu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh; thông báo đến các doanh nghiệp, thương nhân về việc đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19 trong hoạt động xuất nhập khẩu; xây dựng Kế hoạch thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2022; kết nối hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản của các tỉnh, thành phố trong nước; tuyên truyền hưởng ứng chiến dịch Giờ trái đất năm 2022...

Nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các dự thảo Nghị định, thông tư hướng dẫn, chương trình, quy hoạch, đề án... liên quan đến lĩnh vực ngành; thẩm định các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.

Công tác Thanh tra: Thực hiện 03 cuộc thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các lĩnh vực: Hoạt động sản xuất công nghiệp, điện lực và kinh doanh hàng hóa tại siêu thị. Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành: 01 quyết định; số tiền xử phạt: 15.000.000 đồng.

Tham gia: Đoàn kiểm tra hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh; đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, kiểm soát thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả thời điểm cuối năm 2021, dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022. Thực hiện công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính: Quý I năm 2022, Sở Công Thương đã tiếp nhận 4.343 hồ sơ về thủ tục hành chính. Trong đó: Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước 21 hồ sơ; vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 11 hồ sơ; an toàn thực phẩm 10 hồ sơ; công nghiệp địa phương 9 hồ sơ; điện 8 hồ sơ; quản lý cạnh tranh 3 hồ sơ; quản lý hoạt động xây dựng 3 hồ sơ; thương mại quốc tế 01 hồ sơ; xúc tiến thương mại 4.267 hồ sơ.

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch; đẩy mạnh công tác khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh...

Duy trì, phát triển: Trang Website, Bản tin Kinh tế Công Thương, Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên, website chèn và truy xuất nguồn gốc hỗ trợ doanh nghiệp mã QR-code; dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4; công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

III. Nhiệm vụ, giải pháp các tháng tiếp theo năm 2022

- Tổ chức quản lý có hiệu quả và hướng dẫn thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch đã xây dựng; triển khai các đề án thuộc: Chương trình phát triển Công nghiệp – TTCN giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển thương mại giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; Chương trình công tác năm 2022 của ngành Công Thương...

- Tiếp tục cải cách hành chính, đảm bảo công khai và giải quyết nhanh gọn các thủ tục liên quan đến cấp phép cho các nhà đầu tư; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng; thẩm định, cấp giấy phép, giấy chứng nhận thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; tham gia ý kiến thiết kế cơ sở dự án đầu tư các công trình Công Thương.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại góp phần khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển sản xuất (đặc biệt là các ngành nghề mới, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất các sản phẩm mũi nhọn có tiềm năng, lợi thế của tỉnh).

- Thường xuyên rà soát, đề xuất điều chỉnh, thu hút đầu tư, hỗ trợ thị trường và tiêu thụ sản phẩm; tập trung xây dựng và đề xuất các cơ chế thu hút nguồn lực cho đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt là chuyển đổi mô hình quản lý chợ, mô hình quản lý cụm công nghiệp, TTCN; tổ chức lưu thông hàng hoá, kết nối tiêu thụ nông sản; trưng bày, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Thái Nguyên; Chương trình đưa hàng Việt về miền núi năm 2022 tại Thành phố Sông Công; Thị xã Phổ Yên; Huyện Đại Từ.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2022.

- Tiếp tục duy trì: Trang thông tin điện tử Sở Công Thương; Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên; phần mềm hỏi đáp; phần mềm bản đồ số cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Phần mềm cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; Website chè và truy xuất nguồn gốc; triển khai nâng cấp sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra; tiếp nhận, giải quyết và trả lời các đơn thư khiếu nại về lĩnh vực công thương; tăng cường công tác quản lý nhà nước về thị trường, giá cả, chất lượng hàng hoá và vệ sinh an toàn thực phẩm... kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định của pháp luật.

IV. Đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh

- Quan tâm, chỉ đạo triển khai kịp thời các đề xuất thuộc lĩnh vực Ngành; đơn đốc, đẩy nhanh tiến độ một số dự án, công trình lớn đang đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật quy hoạch để các địa phương làm căn cứ triển khai thực hiện quy hoạch.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 3 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ các tháng tiếp theo của ngành Công Thương năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục CNĐP; Vụ Kế hoạch BCT (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- TT.XTTM (đăng website);
- Lưu: VT, P.KHTCTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Chính

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày /3/2022)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022		Thực hiện 3 tháng năm 2022 (%)	
			Thực hiện 3 tháng	Kế hoạch	Ước thực hiện	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	2	3	4=3/1	5=3/2
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	Tỷ.đ	149.664	920.000	158.645,0	106,0	17,2
1	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
	- Trung ương	Tỷ.đ	5.090,3		5.525	108,5	
	- Địa phương	Tỷ.đ	6.514,1	40.000	6.860,0	105,3	17,2
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		138.060,0		146.260,0	105,9	
II	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp						
1	Than sạch khai thác	nghìn tấn	330,0	1.468	340,4	103,1	23,2
2	Quặng sắt và tinh sắt chưa nung	nghìn tấn	244,1		144,9	59,3	
3	Đá khai thác	nghìn m ³	904,1		825,7	91,3	
4	Sản phẩm may	Tr.SP	19,7	87	22,6	114,6	26,0
5	Gạch xây dựng bằng gốm, sứ	Tr.SP	15,7	205	14,2	90,6	6,9
6	Xi măng	nghìn tấn	610,6	3.000	625,1	102,4	20,8
7	Sắt thép các loại	nghìn tấn	343,5	1.734	278,2	81,0	16,0
8	Đồng tinh quặng (Cu>20%)	nghìn tấn	11,7		9,8	83,4	
9	Vonfram và sản phẩm của Vonfram	nghìn tấn	3,6	18,0	7,2	198,4	39,7

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022		Thực hiện 3 tháng năm 2022 (%)	
			Thực hiện 3 tháng	Kế hoạch	Ước thực hiện	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	2	3	4=3/1	5=3/2
10	Máy tính bảng	Tr.SP	2,5	357,0	1,7	66,7	17,4
11	Điện thoại thông minh	Tr.SP	22		24,7	111,8	
12	Camera truyền hình	Tr.SP	17,2		22,7	132,4	
13	Tai nghe khác	Tr.SP	12,8		13,2	102,7	
14	Phụ tùng khác của xe có động cơ	Tr.SP	16,1		16,6	102,6	
15	Thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa	Tr.SP	354,7		405,3	114,3	
16	Điện sản xuất	Tr.Kwh	417		425,6	101,9	
17	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	1.187,6	5.966,0	1.234,1	103,9	20,7
18	Nước máy thương phẩm	nghìn m ³	7.182,4	35.000	6.676,6	93,0	19,1
III	Tổng mức lẻ hàng hóa và DTDV	Tỷ.đồng	11.024,5	50.360	11.607,5	105,3	23,0
IV	Xuất khẩu						
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	7.328,2	32.022	6.924,4	94,5	21,6
2	Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu						
2.1	Sản phẩm may	Tr.USD	89,5		106,4	119,0	
2.2	Chè các loại	Tr.USD	1		0,6	92,7	
2.3	Giấy và các sản phẩm từ giấy	Tr.USD	0,9		0,9	102,0	
2.4	Nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử	Tr.USD	6.932,8		6.471,0	93,3	
	- Điện thoại thông minh	Tr.USD	1.877		1.234,3	65,8	
	- Máy tính bảng	Tr.USD	622,6		639,0	102,6	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022		Thực hiện 3 tháng năm 2022 (%)	
			Thực hiện 3 tháng	Kế hoạch	Ước thực hiện	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	2	3	4=3/1	5=3/2
	- Sản phẩm điện tử khác và phụ tùng	Tr.USD	4.433,2		4.597,7	103,7	
2.5	Sản phẩm từ sắt thép	Tr.USD	6,6		10,0	151,7	
2.6	Phụ tùng vận tải	Tr.USD	1,6		1,5	91,1	
2.7	Kim loại màu và tinh quặng KL màu	Tr.USD	35,8		81,2	227,2	
V	Nhập khẩu						
1	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr.USD	4.067		5.008,8	123,2	
1.1	Khu vực kinh tế trong nước	Tr.USD	67,4		100,3	148,8	
1.2	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tr.USD	3.999,6		4.908,5	122,7	
2	Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu						
2.1	Nguyên liệu và linh kiện điện tử	Tr.USD	3.874,4		4.748,8	122,6	
2.2	Máy móc TB, dụng cụ phụ tùng	Tr.USD	34,6		37,6	108,6	
2.3	Vải các loại	Tr.USD	33,7		34,2	101,5	
2.4	Nguyên, phụ liệu dệt may	Tr.USD	15,1		16,4	109,1	
2.5	Sản phẩm từ sắt thép	Tr.USD	8,7		11,0	126,3	
2.6	Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc	Tr.USD	8,8		9,5	108,1	
2.7	Giấy các loại	Tr.USD	1,6		1,2	80,5	
2.8	Chất dẻo (plastic) nguyên liệu	Tr.USD	23,0		19,3	83,8	